TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1005/2019/HNGĐ-PT
Ngày 08-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 971/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận E bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4531/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 8387/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Dương Minh T (có mặt).

Địa chỉ: Đường số A, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T (có mặt).

Địa chỉ: đường C, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng Phước Hoàng M, là Luật sư Văn phòng Luật sư L&M, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường Q, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 29/6/2018 và lời khai của nguyên đơn – bà Hoàng Dương Minh T thì: Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2016 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận E cấp ngày 22/10/2016. Trong thời gian chung sống, giữa Bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp. Tháng 11/2017, Bà bị tai nạn, không đi lại được, cần có người chăm sóc nên mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng tranh cãi gây gắt, ông T đuổi Bà về nhà mẹ ruột nên Bà và con đã ở nhà của cha, mẹ Bà từ đó đến nay. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 11/2017 đến nay. Tháng 5/2018, trong lúc mâu thuẫn giữa vợ chồng Bà chưa được giải quyết thì gia đình ông T đã nhiều lần tìm đến nhà của cha, mẹ Bà gây mất trật tự dẫn đến chính quyền địa phương phải can thiệp. Bà và ông T đã bàn bạc, tìm cách hòa giải để hàn gắn tình cảm, cùng chăm sóc con nhưng không có kết quả. Ngày 13/5/2018, cha, mẹ Bà và cha, mẹ ông T cũng có buổi nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng đôi bên không thống nhất được. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016, giới tính: Nữ. Hiện nay, trẻ N do Bà trực tiếp nuôi. Trong thời gian này, Bà vẫn tạo điều kiện để ông T đến thăm con, đưa con về ở với ông T mỗi tuần từ 01 đến 02 ngày. Bà có công việc, thu nhập ổn định, thời gian làm việc trong giờ hành chính nên Bà có đủ điều kiện chăm sóc trẻ N. Đồng thời, Bà và trẻ N đang ở tại nhà của cha, mẹ Bà nên trẻ N được ông, bà chăm sóc chu đáo. Vì trẻ N là trẻ gái, còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và từ trước đến nay vẫn do Bà trực tiếp chăm sóc nên Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N, đồng ý việc ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn – ông Nguyễn Minh T thì: Ông đồng ý với trình bày của bà T về việc kết hôn, thời gian chung sống. Hiện nay Ông và bà T đã ly thân. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà T yêu cầu cha, mẹ Ông phải làm thủ tục tặng cho căn nhà mới xây cho Ông và bà T, vì yêu cầu này không được đáp ứng nên bà T đưa con về nhà của cha, mẹ Bà ở. Trong thời gian ly thân, Ông vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mua sữa, cháo cho con nhưng Ông thường xuyên bị cản trở mỗi khi đến thăm con, phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Kể từ sau ngày 13/5/2018, Ông không bị cản trở mỗi khi đến thăm con, được đưa con về nhà vào cuối tuần nhưng không được chủ động về thời gian mà phụ thuộc vào thời gian bà T cho phép. Ngày 13/10/2018, bà T và gia đình Bà đã đánh Ông phải nhập viện. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Ông đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016, giới tính: Nữ, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi. Mặc dù trẻ N dưới 36 tháng tuổi nhưng bà T chăm sóc con không tốt nên trẻ N thường bị bệnh, phát triển không tốt về thể chất, theo chẩn đoán của bác sĩ thì trẻ N bị chậm tăng trưởng, suy dinh dưỡng; điều kiện về chỗ ở của bà T không đảm

bảo, môi trường gia đình quá bạo lực nên Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ N. Hiện nay, Ông có thu nhập ổn định, đang sống cùng cha mẹ có nhà ở rộng rãi, có phòng ngủ, phòng học tập, phòng chơi riêng cho con và có bà nội, đã nghỉ hưu, thường xuyên chăm sóc trẻ N nên Ông có điều kiện nuôi con tốt hơn bà T. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp Tòa án giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi thì Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đ/ tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 971/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh quyết định:

"1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – bà Hoàng Dương Minh T:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Hoàng Dương Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Giao cho bà Hoàng Dương Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016. Ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết".

Ngoài ra, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2019, bị đơn – ông Nguyễn Minh T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc nuôi con, nội dung kháng cáo: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì việc nuôi con thì cha và mẹ đều có vai trò như nhau; thực tế bà T không chăm sóc tốt cho con, điều kiện sống không tốt:

- Sau khi bà T đưa con về nhà của cha, mẹ Bà ở, bà T thường xuyên nhắn tin cho Ông than phiền nhà của cha, mẹ bà T chật hẹp, không có chổ riêng cho bà T và trẻ N sinh sống;

- Từ lúc về nhà cha mẹ đến nay, bà T không có điều kiện nấu ăn cho con mà trẻ N chỉ ăn cháo dinh dưỡng hoặc thức ăn nấu sẵn bên ngoài;

- Bà T thường xuyên đi sớm về trễ vào lúc 21 -22 giờ thậm chí 00 giờ hoặc cả đêm không về nên không có thời gian chăm sóc con, thường xuyên bỏ trẻ N một mình cho người khác chăm sóc;

- Trẻ N thường xuyên hút thuốc lá bị động từ khói thuốc lá của anh ruột bà T;

- Trẻ N đã đến tuổi đi học nhưng bà T không làm thủ tục cho Trẻ đi học mà vẫn để Trẻ ở nhà trong điều kiện chăm sóc không tốt;

- Gia đình bà T nhiều lần có hành vi cấm cản, không cho Ông thăm nuôi con, hành hung gây thương tích cho Ông trước mặt trẻ N. Trẻ sống trong một môi trường côn đồ và bạo lực;

- Ông có nhà riêng liền kề nhà của cha, mẹ Ông và gần trường mẫu giáo; nhà có phòng riêng cho trẻ N sinh sống và đảm bảo cho việc học tập của Trẻ. Ông có công việc ổn định, mức thu nhập tương đối đủ để lo cho trẻ N ăn học, có cuộc sống đầy đủ; thời gian làm việc của Ông ổn định, trong giờ hành chính, thuận tiện đưa đón trẻ N đi học khi trẻ N tròn 03 tuổi. Mẹ Ông hiện không đi làm chỉ làm công việc nội trợ, tuổi còn khá trẻ (56 tuổi) nên phụ giúp Ông một số việc để chăm sóc trẻ N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn – ông Nguyễn Minh T giữ nguyên nọi dung kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung - trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016.

Nguyên đơn – bà Hoàng Dương Minh T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho BÀ trực tiếp nuôi con chung - trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông T trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Trẻ Nguyễn Hoàng Phương N chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Bà T có chỗ ở, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và từ lúc sinh ra đến nay, trẻ N luôn sống với bà T, do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Đặng Phước Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Khoản 3, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Mai.

[2] Căn cứ vào Quyết định về việc điều chỉnh tiền lương của CBNV số 43-2019/QĐ/ĐTMTT của Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có hiệu lực từ ngày 03/7/2019, Xác nhận thu nhập hàng tháng ngày 14/5/2019 của Công ty Cổ phần M, Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường B, quận G tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1531/2018/QĐ-CCTLCC ngày 27/7/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường D, quận E tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 2029/2018/QĐ-CCTLCC ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh và lời khai của các đương sự thì bà Hoàng Dương Minh T đang làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn X với mức lương 13.000.000 đ (mười ba triệu đồng)/tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có nơi ở ổn định; ông Nguyễn Minh T đang làm việc tại Công ty Cổ phần M với tổng thu nhập 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng)/ tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có nơi ở ổn định. Do đó, có cơ sở để xác định bà T và ông T đều có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung - trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25/11/2016.

[3] Sau khi ly hôn, bà T, ông T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thực tế, cả hai đều thương yêu, mong muốn con được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Tuy nhiên, từ khi trẻ N sinh ra cho đến nay được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cùng với sự thương yêu, quan tâm, hỗ trợ của cha, ông bà nội, ngoại nên trẻ đã phát triển tương đối tốt. Trẻ N là trẻ gái dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi, đã bắt đầu bước vào tuổi nhận thức thế giới xung quanh, có nhu cầu giao tiếp, học hỏi, chia sẻ và tiếp tục phát triển về giới nên được mẹ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì sẽ thuận lợi hơn để đảm bảo lợi ích về mọi mặt đối với trẻ, giúp trẻ phát triển tốt về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức để trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

[4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, giao trẻ N cho bà T trực tiếp nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về con chung:

Giao bà Hoàng Dương Minh T trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Hoàng Phương N, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng), thực hiện từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi trẻ Nguyễn Hoàng Phương N đã thành niên và không thuộc trường hợp: Mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Nguyễn Hoàng Phương N.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0021247 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận E. Ông Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,

7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Minh